PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2016*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty quản lý quỹ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài các từ ngữ đã được giải thích trong Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 135/2015/NĐ-CP), trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức kinh doanh chứng khoán* bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2. *Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm* là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

3. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định của Thông tư này, có nội dung được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

4. *Tổ chức ủy thác* là tổ chức kinh tế đầu tư gián tiếp ra nước ngoài thông qua việc giao vốn bằng ngoại tệ của mình cho công ty quản lý quỹ được phép nhận ủy thác đầu tư ở trong nước quản lý.

Chương II
THỦ TỤC CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI, VĂN BẢN CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Mục 1
TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Điều 4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu thông qua việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, bao gồm nội dung về quốc gia dự kiến đầu tư, mức vốn dự kiến đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tài sản dự kiến đầu tư, hiệu quả đầu tư dự kiến và các thông tin khác;

d) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam, không còn nợ thuế với ngân sách nhà nước tính tới thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Quy trình nội bộ về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, bao gồm nội dung về cơ chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

e) Bản thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật của tổ chức kinh doanh chứng khoán mô tả chi tiết hệ thống truyền lệnh, hệ thống lưu trữ phục vụ cho hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

g) Bản sao chứng chỉ quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst), hợp đồng lao động, chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính (đối với công ty chứng khoán) hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (đối với công ty quản lý quỹ) của tối thiểu một (01) nhân viên của tổ chức kinh doanh chứng khoán;

h) Báo cáo về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước (đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán có sở hữu vốn nhà nước) trong năm liền trước năm nộp hồ sơ.

2. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho tổ chức kinh doanh chứng khoán, đồng thời gửi giấy chứng nhận đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực, tổ chức kinh doanh chứng khoán công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 5. Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán tự nguyện đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Giấy đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu thông qua việc chấm dứt hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Tài liệu giải trình về việc chấm dứt hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kết quả thực hiện đầu tư, khả năng thu hồi vốn đầu tư, thời hạn dự kiến chấm dứt hoạt động đầu tư, phương án tất toán các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và các vấn đề liên quan;

d) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

2. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán bị buộc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết thời hạn khắc phục theo quy định của pháp luật hiện hành mà tổ chức kinh doanh chứng khoán vẫn không đáp ứng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có thông tin sai sự thật, hoặc không duy trì điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành, hoặc trở thành đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức kinh doanh chứng khoán bị buộc thu hồi, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực, tổ chức kinh doanh chứng khoán có trách nhiệm:

a) Công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của mình về quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Không được đầu tư thêm các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; không gia hạn các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đã thực hiện;

c) Tất toán toàn bộ các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (bao gồm cả các quyền, lợi ích phát sinh liên quan đến khoản đầu tư ở nước ngoài);

d) Đối với các khoản đầu tư chưa tất toán xong, tổ chức kinh doanh chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hàng tháng về tình hình tất toán theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09, Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này cho đến khi tất toán xong các khoản đầu tư.

Mục 2
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Điều 6. Thủ tục chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thông qua công ty quản lý quỹ nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán có quy định về việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Bản sao Hợp đồng lưu ký nguyên tắc giữa ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và tổ chức lưu ký tại nước ngoài kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán hoặc tài liệu tương đương của tổ chức lưu ký tại nước ngoài;

d) Bản sao chứng chỉ quốc tế CFA, hợp đồng lao động của tối thiểu một (01) nhân viên điều hành quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;

đ) Tài liệu theo quy định tại các điểm đ, e khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2. Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hồ sơ bao gồm:

a) Tài liệu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Quy trình nội bộ về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, bao gồm nội dung về cơ chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Bản thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty đầu tư chứng khoán mô tả chi tiết hệ thống truyền lệnh, hệ thống lưu trữ phục vụ cho hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

d) Bản sao chứng chỉ quốc tế CFA, chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và hợp đồng lao động của tối thiểu một (01) nhân viên của công ty đầu tư chứng khoán.

3. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được lập thành một (01) bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra văn bản chấp thuận cho phép quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi văn bản chấp thuận đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán được phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 7. Thủ tục chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán tự nguyện chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hồ sơ đề nghị chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bao gồm:

a) Giấy đề nghị chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư hoặc đại hội thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông về việc chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Tài liệu giải trình về việc chấm dứt hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kết quả thực hiện đầu tư, khả năng thu hồi vốn đầu tư, thời hạn dự kiến chấm dứt hoạt động đầu tư, phương án tất toán các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và các vấn đề liên quan.

2. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra văn bản chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, đồng thời gửi văn bản này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán bị buộc chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư gián tiếp ra nước ngoài không còn đáp ứng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết thời hạn khắc phục theo quy định của pháp luật hiện hành mà công ty quản lý quỹ vẫn không đáp ứng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra văn bản chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, đồng thời gửi văn bản này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Hồ sơ đề nghị chấp thuận cho phép đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán có thông tin sai sự thật, hoặc công ty đầu tư chứng khoán không duy trì điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành, hoặc trở thành đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán bị buộc chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra văn bản chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi văn bản này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Kể từ khi việc chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán có hiệu lực theo văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn có trách nhiệm:

a) Công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của mình về việc quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Không được đầu tư thêm các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; không gia hạn các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đã thực hiện;

c) Thực hiện tất toán các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (bao gồm cả các quyền, lợi ích phát sinh liên quan đến khoản đầu tư ở nước ngoài);

d) Đối với các khoản đầu tư chưa tất toán xong, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hàng tháng về tình hình tất toán các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này cho đến khi tất toán xong các khoản đầu tư.

Mục 3
DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẢO HIỂM

Điều 8. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thông qua việc doanh nghiệp thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, bao gồm nội dung về quốc gia dự kiến đầu tư, mức vốn dự kiến đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tài sản dự kiến đầu tư, hiệu quả đầu tư dự kiến và các thông tin khác;

d) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam, không còn nợ thuế với ngân sách nhà nước tính tới thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Quy trình nội bộ về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, bao gồm nội dung về cơ chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

e) Bản thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

g) Bản sao chứng chỉ quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst), hợp đồng lao động của tối thiểu một (01) cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động đầu tư của doanh nghiệp;

h) Báo cáo về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước (đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có sở hữu vốn nhà nước theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp) trong năm liền trước năm nộp hồ sơ.

2. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ Tài chính.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, đồng thời gửi giấy chứng nhận đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp từ chối, Bộ Tài chính trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm công bố thông tin về giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trên trang thông tin điện tử của mình.

Điều 9. Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm tự nguyện đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra ngoài, hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Giấy đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thông qua việc chấm dứt hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Tài liệu giải trình về việc chấm dứt hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kết quả thực hiện đầu tư, khả năng thu hồi vốn đầu tư, thời hạn dự kiến chấm dứt hoạt động đầu tư, phương án tất toán các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và các vấn đề liên quan;

d) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

2. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ Tài chính.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm bị buộc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không còn đáp ứng điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết thời hạn khắc phục theo quy định của pháp luật hiện hành mà doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn không đáp ứng điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thông tin sai sự thật trực tiếp ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Bộ Tài chính hoặc trở thành đối tượng quy định tại

khoản 4 Điều 2 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày bị buộc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có trách nhiệm:

a) Công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ về quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trên trang điện tử của mình;

b) Không được đầu tư thêm các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; không gia hạn các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đã thực hiện;

c) Thực hiện tất toán toàn bộ các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (bao gồm cả các quyền, lợi ích phát sinh liên quan đến khoản đầu tư ở nước ngoài) trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực;

d) Đối với các khoản đầu tư chưa tất toán xong, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính hàng quý về tình hình tất toán theo mẫu quy định tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này cho đến khi tất toán xong các khoản đầu tư.

Chương III
THỦ TỤC CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 10. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty quản lý quỹ

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quy trình nội bộ về nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó có nội dung về nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Tài liệu theo quy định tại điểm d, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho công ty quản lý quỹ, đồng thời gửi giấy chứng nhận đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực, công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 11. Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Trường hợp công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Giấy đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu thông qua việc chấm dứt hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Tài liệu giải trình về việc chấm dứt hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kết quả thực hiện đầu tư, khả năng thu hồi vốn đầu tư, thời hạn dự kiến chấm dứt hoạt động nhận ủy thác đầu tư, phương án thanh lý các hợp đồng ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và các vấn đề liên quan;

d) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

2. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này được lập thành một (01) bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Công ty quản lý quỹ bị buộc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết thời hạn khắc phục theo quy định của pháp luật hiện hành mà công ty quản lý quỹ vẫn không đáp ứng điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kể từ khi không còn đáp ứng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP, công ty quản lý quỹ không được ký mới, gia hạn các hợp đồng ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty quản lý quỹ có thông tin sai sự thật, hoặc không duy trì các điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ bị buộc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đồng thời gửi quyết định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm:

a) Công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của mình về quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Không ký mới, gia hạn các hợp đồng ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 4 Điều này);

c) Chấm dứt việc giao dịch và quản lý tài sản ở nước ngoài, trừ các giao dịch với mục đích tất toán danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác;

d) Thực hiện thanh lý các hợp đồng ủy thác đầu tư, tất toán tài khoản danh mục đầu tư (đóng hoặc chuyển khoản), chuyển toàn bộ số dư tiền và chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng hoặc bàn giao trách nhiệm cho công ty quản lý quỹ thay thế và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

đ) Đối với các hợp đồng ủy thác đầu tư chưa thanh lý xong, công ty quản lý quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hàng tháng về tình hình thanh lý theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này cho đến khi thanh lý xong các hợp đồng ủy thác đầu tư.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Mục 1
TỰ DOANH ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Quy định chung về tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật ngân hàng sau khi Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, văn bản chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh.

2. Tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thực hiện đăng ký hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Tổ chức tự doanh có vốn đầu tư nước ngoài (thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư) không được thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

4. Tổ chức tự doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài này còn hiệu lực, tổ chức tự doanh không được thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài thông qua tổ chức nhận ủy thác.

5. Công ty quản lý quỹ ký hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam để lưu ký, giám sát tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán được ủy quyền cho tổ chức lưu ký tại nước ngoài để lưu ký tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.

6. Hoạt động ủy quyền lưu ký quy định tại khoản 5 Điều này phải tuân thủ các quy định sau:

a) Hoạt động ủy quyền phải được quy định tại điều lệ của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

b) Hoạt động ủy quyền thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam và tổ chức lưu ký tại nước ngoài. Hợp đồng ủy quyền phải quy định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam, tổ chức lưu ký tại nước ngoài và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

c) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về hoạt động lưu ký đã ủy quyền, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động lưu ký đã ủy quyền;

d) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam phải đảm bảo tài sản lưu ký ở nước ngoài phải được đăng ký sở hữu thuộc về quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ;

đ) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam phải có đầy đủ thông tin về tất cả mọi tài sản lưu ký ở nước ngoài thuộc sở hữu của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;

e) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam phải tuân thủ quy định về lưu ký, giám sát tài sản theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm ký hợp đồng lưu ký với tổ chức lưu ký tại nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ lưu ký theo quy định của pháp luật nước ngoài.

Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thể ký hợp đồng với ngân hàng lưu ký tại Việt Nam để lưu ký tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Ngân hàng lưu ký tại Việt Nam được ủy quyền cho tổ chức lưu ký tại nước ngoài để lưu ký tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hoạt động lưu ký đã ủy quyền.

8. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng lưu ký với tổ chức lưu ký tại nước ngoài, hoặc kể từ ngày ký hợp đồng ủy quyền lưu ký với tổ chức lưu ký tại nước ngoài, hoặc khi thay đổi tổ chức lưu ký tại nước ngoài:

a) Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thông báo cho Bộ Tài chính về việc ký hợp đồng lưu ký, hợp đồng ủy quyền lưu ký kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán hoặc tài liệu tương đương của tổ chức lưu ký tại nước ngoài;

b) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ký hợp đồng ủy quyền lưu ký kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán hoặc tài liệu tương đương của tổ chức lưu ký tại nước ngoài.

Điều 13. Tỷ lệ đầu tư an toàn của công ty chứng khoán

1. Chỉ công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán mới được đầu tư hoặc ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (không bao gồm trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP). Việc đầu tư gián tiếp do công ty chứng khoán hoặc chi nhánh của mình tại nước ngoài (nếu có) thực hiện.

2. Công ty chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này được đầu tư, ủy thác đầu tư vào các loại công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và:

a) Không được vượt quá hạn mức tự doanh đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;

b) Trường hợp phát sinh khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, tổng mức đầu tư, ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài không quá ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất với thời điểm đầu tư và các hạn chế đầu tư, tỷ lệ đầu tư theo quy định pháp luật về hướng dẫn thành lập và hoạt động công ty chứng khoán được xác định trong trường hợp này bao gồm đầu tư trong nước và nước ngoài.

Điều 14. Tỷ lệ đầu tư an toàn của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ được phép đầu tư tối đa hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét và báo cáo tài chính quý gần nhất và không vượt quá hạn mức tự doanh đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận vào công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

2. Trường hợp danh mục đầu tư của công ty quản lý quỹ vượt quá hạn mức quy định tại khoản 1 Điều này do biến động giá trên thị trường của tài sản đang nắm giữ, do được hưởng các quyền có liên quan đến tài sản nắm giữ, công ty quản lý quỹ phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày đầu tư vượt quá hạn mức.

3. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định về đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 15. Tỷ lệ đầu tư an toàn của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

1. Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các công cụ đầu tư quy định tại điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng được phép đầu tư tối đa hai mươi phần trăm (20%) giá trị tài sản ròng tại báo cáo hoạt động đầu tư gần nhất và không vượt quá hạn mức tự doanh đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.

3. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

Điều 16. Tỷ lệ đầu tư an toàn của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm

1. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm được phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Trong mọi trường hợp, tổng số tiền đầu tư gián tiếp ra nước ngoài không được vượt quá giá trị được xác định bằng vốn chủ sở hữu trừ đi:

- Số lớn hơn giữa vốn pháp định và biên khả năng thanh toán tối thiểu; và
- Số tiền đã đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (nếu có).

2. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm được tự doanh đầu tư vào các loại công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định nhưng không quá 5% tổng số chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức nước ngoài (trừ trái phiếu chính phủ nước ngoài) và không vượt quá hạn mức tự doanh đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.

3. Hàng quý, căn cứ vào tình hình tài chính, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải đánh giá lại hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của mình. Trường hợp tỷ lệ đầu tư của doanh nghiệp chưa đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, doanh nghiệp phải thực hiện các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc quý.

Mục 2
NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Điều 17. Quy định chung về nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện đăng ký hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Công ty quản lý quỹ thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật ngân hàng sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp văn bản xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác.

3. Khi thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, công ty quản lý quỹ và tổ chức ủy thác phải lập hợp đồng, tách biệt với hợp đồng ủy thác đầu tư trong nước; công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đảm bảo tổ chức ủy thác đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP.

Hợp đồng ủy thác đầu tư quy định số tiền ủy thác, thời hạn ủy thác, công cụ đầu tư, quyền, nghĩa vụ của các bên và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Hợp đồng ủy thác đầu tư quy định rõ thời hạn thanh lý hợp đồng khi công ty quản lý quỹ bị buộc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

4. Tổ chức ủy thác phải đáp ứng quy định về nguồn vốn đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP và chịu trách nhiệm về rủi ro đối với số vốn đã ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

5. Tổ chức ủy thác và công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định tại Điều 19, Điều 22 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP.

6. Công ty quản lý quỹ ký hợp đồng lưu ký với tổ chức lưu ký tại nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ lưu ký theo quy định của pháp luật nước ngoài.

Công ty quản lý quỹ có thể ký hợp đồng với ngân hàng lưu ký tại Việt Nam để lưu ký tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức ủy thác. Ngân hàng lưu ký tại Việt Nam được ủy quyền cho tổ chức lưu ký tại nước ngoài để lưu ký tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức ủy thác và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hoạt động lưu ký đã ủy quyền.

7. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ ký hợp đồng lưu ký với tổ chức lưu ký tại nước ngoài, ngân hàng lưu ký tại Việt Nam ký hợp đồng ủy quyền lưu ký với tổ chức lưu ký tại nước ngoài, hoặc khi thay đổi tổ chức lưu ký tại nước ngoài, công ty quản lý quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo hợp đồng lưu ký, hợp đồng ủy quyền lưu ký, bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán hoặc tài liệu tương đương của tổ chức lưu ký tại nước ngoài.

8. Hoạt động lưu ký, hoạt động ủy quyền lưu ký tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương V
CUNG CẤP THÔNG TIN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO

Điều 18. Cung cấp thông tin của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt trong đó có nội dung về các rủi ro đối với quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán khi đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trách nhiệm của

ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát tại Việt Nam đối với hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán.

2. Trường hợp tổ chức ủy thác có yêu cầu, công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro mà công ty sử dụng để quản lý tài sản của tổ chức ủy thác ở nước ngoài.

3. Đối với tổ chức ủy thác, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm:

a) Cung cấp hợp đồng lưu ký và các tài liệu đính kèm hợp đồng ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Báo cáo định kỳ hàng tháng về tình hình danh mục đầu tư theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;

c) Cung cấp sao kê tài khoản danh mục đầu tư, sao kê giao dịch có xác nhận của tổ chức lưu ký, các thông tin về hoạt động quản lý đầu tư và giải đáp mọi thắc mắc theo yêu cầu của khách hàng.

4. Khi có yêu cầu, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hợp đồng ủy thác đầu tư kèm theo các tài liệu liên quan đến tổ chức ủy thác đầu tư như sau:

a) Bản sao Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong năm (05) năm liên tục liền trước năm thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP;

b) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước Việt Nam, không còn nợ thuế với ngân sách nhà nước tính tới thời điểm ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

c) Tài liệu chứng minh về nguồn ngoại tệ trên tài khoản để ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài là ngoại tệ tự có;

d) Phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được cấp có thẩm quyền của tổ chức ủy thác đầu tư (đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, hội đồng thành viên và tương đương) hoặc cấp có thẩm quyền khác thông qua theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo về việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước (đối với tổ chức ủy thác có sở hữu vốn nhà nước) trong năm liền trước năm thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

Điều 19. Nghĩa vụ báo cáo

1. Nghĩa vụ báo cáo đối với công ty chứng khoán:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, công ty chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài kèm theo bản sao văn bản xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Công ty chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hàng tháng về tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng.

2. Nghĩa vụ báo cáo đối với công ty quản lý quỹ:

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh, hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, công ty quản lý quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hạn mức tự doanh, hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài kèm theo bản sao văn bản xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh, bản sao văn bản xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Công ty quản lý quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hàng tháng về tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này, tình hình thực hiện hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này, tình hình quản lý danh mục đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức ủy thác theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng.

3. Nghĩa vụ báo cáo đối với quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thông qua công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán kèm theo bản sao văn bản xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thông qua công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hàng tháng về tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng.

4. Nghĩa vụ báo cáo đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm

a) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm báo cáo Bộ Tài chính về hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài kèm theo bản sao văn bản xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm báo cáo Bộ Tài chính hàng quý về tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo là ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý.

5. Nghĩa vụ báo cáo đối với ngân hàng giám sát tại Việt Nam

Ngân hàng giám sát tại Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo giám sát về hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán.

6. Tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm do Nhà nước sở hữu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) vốn điều lệ trở lên đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo phương án đã được phê duyệt phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được văn bản cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP.

7. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải gửi bản sao quy trình nội bộ về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài sửa đổi, bổ sung cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục số 01

Mẫu giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.... Fax:...

Đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho công ty chúng tôi với những thông tin như sau:

- Tên tổ chức dự kiến mở tài khoản vốn tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:.....

- Mức vốn dự kiến đầu tư:.....

- Nguồn vốn dự kiến để thực hiện đầu tư:....

- Công cụ dự kiến đầu tư:.....

- Hình thức đầu tư:.....

- Mục đích đầu tư:.....

- Quốc gia dự kiến đầu tư:.....

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

***Hồ sơ kèm theo*:**
(Liệt kê đầy đủ)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 02

Mẫu giấy đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty chứng khoán/Công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.... Fax:...

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài số... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp... ngày... tháng... năm...

Đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty chúng tôi.

Lý do chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:.....

Chúng tôi cam kết và liên đới chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

***Hồ sơ kèm theo*:**
(Liệt kê đầy đủ)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 03

Mẫu giấy đề nghị chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHO PHÉP ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:... Fax:...

Đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài với những thông tin như sau:

- Tên quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:

- Loại quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:

- Ngân hàng lưu ký/Ngân hàng giám sát tại Việt Nam:

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...

+ Địa chỉ trụ sở chính:

+ Điện thoại:... Fax:...

- Tổ chức lưu ký tại nước ngoài:

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán hoặc tài liệu tương đương số... do... cấp ngày... tháng... năm...

+ Địa chỉ trụ sở chính:

+ Điện thoại:... Fax:...

- Mức vốn dự kiến đầu tư:.....

- Quốc gia dự kiến đầu tư:.....

- Nguồn vốn dự kiến để thực hiện đầu tư:....

- Công cụ dự kiến đầu tư:.....

- Hình thức đầu tư:.....

- Mục đích đầu tư:.....

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

***Hồ sơ kèm theo*:**
(Liệt kê đầy đủ)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN RIÊNG LẺ TỰ QUẢN LÝ VỐN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 04

Mẫu giấy đề nghị chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:... Fax:...

Đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấm dứt hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán... với các nội dung sau:

- Loại quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:

- Ngân hàng lưu ký/Ngân hàng giám sát tại Việt Nam:

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...

+ Địa chỉ trụ sở chính:

+ Điện thoại:... Fax:...

- Tổ chức lưu ký tại nước ngoài:

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán/Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh số... do... cấp ngày... tháng... năm...

+ Địa chỉ trụ sở chính:

+ Điện thoại:... Fax:...

Lý do chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:.....

Chúng tôi cam kết và liên đới chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

***Hồ sơ kèm theo*:**
(Liệt kê đầy đủ)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN RIÊNG LẺ TỰ QUẢN LÝ VỐN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 05

Mẫu giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẢO HIỂM

Kính gửi: Bộ tài chính

Chúng tôi là:

- Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm (tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày..... tháng..... năm.....

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.... Fax:...

Đề nghị Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho doanh nghiệp chúng tôi với những thông tin như sau:

- Tên tổ chức dự kiến mở tài khoản vốn tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:.....

- Quốc gia dự kiến đầu tư:.....

- Mức vốn dự kiến đầu tư:.....

- Nguồn vốn dự kiến để thực hiện đầu tư:....

- Công cụ dự kiến đầu tư:.....

- Hình thức đầu tư:.....

- Mục đích đầu tư:.....

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

***Hồ sơ kèm theo*:**	**(TỔNG) GIÁM ĐỐC**
(Liệt kê đầy đủ)	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục số 06

Mẫu giấy đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẢO HIỂM

Kính gửi: Bộ Tài chính

Chúng tôi là:

- Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm (tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Bộ Tài chính cấp ngày... tháng... năm...

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.... Fax:...

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài số... do Bộ Tài chính cấp... ngày... tháng... năm...

Đề nghị Bộ Tài chính thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty chúng tôi

Lý do chấm dứt đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:.....

Chúng tôi cam kết và liên đới chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

***Hồ sơ kèm theo*:**
(Liệt kê đầy đủ)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 07

Mẫu giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ:.... (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:.... Fax:...

Đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho công ty chúng tôi với những thông tin như sau:

- Quy mô tài sản nhận ủy thác tại thời điểm đăng ký:.....
- Phạm vi hoạt động nhận ủy thác:.....
- Thời gian hoạt động nhận ủy thác (dự kiến):.....
- Tên tổ chức dự kiến mở tài khoản vốn nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:.....

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung của Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

***Hồ sơ kèm theo*:**
(Liệt kê đầy đủ)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 08

Mẫu giấy đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm...

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.... Fax:...

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài số... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp... ngày... tháng... năm...

Đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty chúng tôi.

Lý do chấm dứt nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:.....

Chúng tôi cam kết và liên đới chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

***Hồ sơ kèm theo*:**
(Liệt kê đầy đủ)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 09

Mẫu báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty chứng khoán

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... (số công văn) V/v báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tháng.... năm...	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tình hình thực hiện hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	**Chỉ tiêu**	**Giá trị**	
		Ngoại tệ	**Tỷ VND (quy đổi)**
I	Hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước xác nhận		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
II	Giá trị đã đầu tư tại thời điểm cuối tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
III	Giá trị đã đầu tư trong tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)
IV	Giá trị còn được đầu tư (IV = I - II)		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

II. Tổ chức mở tài khoản giao dịch

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng tài khoản
1	...			

III. Tình hình đầu tư

3.1. Tình hình giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh

STT	Loại CK	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong tháng		Bán trong tháng		Tổng mua cuối kỳ		Tổng bán cuối kỳ	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
1	Cổ phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- VND												
2	Trái phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- VND												
3	CC quỹ												
	- Ngoại tệ												
	- VND												
	Tổng												
	- Ngoại tệ												
	- VND												

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

3.2. Tình hình nắm giữ chứng khoán, đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
(tính theo giá trị ngoại tệ đã đầu tư)

STT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ tại thời điểm báo cáo					Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành vào thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Giá trị sổ sách tại thời điểm mua		Giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
			Ngoại tệ	Tỷ VND				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(4)*100	(8)	(9)=(3)/(8)*100
I	Đầu tư chứng khoán							
1	Cổ phiếu							
	A							
	.....							
2								
	A							
	.....							
3	Chứng chỉ quỹ							
	A							
	.....							
II	Đầu tư khác							
1	.....							
	Tổng cộng (I+II)							

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

* Ghi chú:

Cột (2) loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán mà CTCK nắm giữ.

Cột (3) là các chứng khoán hiện CTCK đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài khoản.

Cột (4) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Cột (5) Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Cột (6) tính theo giá đóng cửa hoặc giá giao dịch bình quân tại thời điểm báo cáo hoặc giá trị hợp lý đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Đối với trái phiếu, không phải tính cột (8), (9).

IV. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP	KIỂM SOÁT NỘI BỘ	(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*

Phụ lục số 10

Mẫu báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Số:..... (số công văn)
V/v báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tháng... năm...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tình hình thực hiện hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)
I	Hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước xác nhận		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
II	Giá trị đã đầu tư tại thời điểm cuối tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
III	Giá trị đã đầu tư trong tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
IV	Giá trị còn được đầu tư (IV = I - II)		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

II. Tổ chức mở tài khoản giao dịch

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng tài khoản
1	...			

III. Tình hình đầu tư

3.1. Tình hình giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh

STT	Loại CK	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong tháng		Bán trong tháng		Tổng mua cuối kỳ		Tổng bán cuối kỳ	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
1	Cổ phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- VND												
2	Trái phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- VND												
3	CC quỹ												
	- Ngoại tệ												
	- VND												
	Tổng												
	- Ngoại tệ												
	- VND												

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

3.2. Tình hình nắm giữ chứng khoán, đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

(tính theo giá trị ngoại tệ đã đầu tư)

STT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ tại thời điểm báo cáo						Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư an toàn (%)
		Số lượng	Giá trị sổ sách tại thời điểm mua		Giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo		Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
			Ngoại tệ	Tỷ VND	Ngoại tệ	Tỷ VND			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)*100	(9)	(10) = (7)/(9)*100%
I	Đầu tư chứng khoán								
1	Cổ phiếu								
	A								
	.....								

STT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ tại thời điểm báo cáo						Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư an toàn (%)
		Số lượng	Giá trị sổ sách tại thời điểm mua		Giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo		Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
			Ngoại tệ	Tỷ VND	Ngoại tệ	Tỷ VND			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)*100	(9)	(10) = (7)/(9)*100%
2	Trái phiếu								
	A								
	.....								
3	Chứng chỉ quỹ								
	A								
	.....								
II	Đầu tư khác								
	.....								
	Tổng cộng (I+II)								

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

* Ghi chú:

Cột (2) loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán mà CTQLQ nắm giữ.

Cột (3) là các chứng khoán hiện CTQLQ đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài khoản.

Cột (4) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng.

Cột (5), (7) Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Cột (6) tính theo giá đóng cửa hoặc giá giao dịch bình quân tại thời điểm báo cáo hoặc giá trị hợp lý đối với chứng khoán chưa niêm yết.

IV. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP	KIỂM SOÁT NỘI BỘ	(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục số 11

Mẫu báo cáo tình hình thực hiện hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của công ty quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... (số công văn) V/v báo cáo tình hình thực hiện hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tháng..... năm...	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tình hình thực hiện hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	**Chỉ tiêu**	**Giá trị**	
		Ngoại tệ	**Tỷ VND (quy đổi)**
I	Hạn mức nhận ủy thác được Ngân hàng Nhà nước xác nhận		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
II	Giá trị đã nhận ủy thác tại thời điểm cuối tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
III	Giá trị đã nhận ủy thác trong tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)
3	EURO		
4	.....		
IV	Giá trị còn được nhận ủy thác (IV = I - II)		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

II. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP	KIỂM SOÁT NỘI BỘ	(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục số 12

Mẫu báo cáo tình hình hoạt động quản lý danh mục đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức ủy thác

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

TÊN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... (số công văn) V/v báo cáo tình hình hoạt động quản lý danh mục đầu tư tại nước ngoài của tổ chức ủy tháng.... năm...	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung về tình hình quản lý danh mục đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	**Chỉ tiêu**	**Kỳ báo cáo**		**Kỳ trước**		**Ghi chú**
		Ngoại tệ	**Tỷ VND**	**Ngoại tệ**	**Tỷ VND**	
1	Tổng số Hợp đồng quản lý đầu tư đang thực hiện					
2	Tổng giá trị các Hợp đồng quản lý đầu tư (Hợp đồng khung)					
3	Tổng giá trị các Hợp đồng quản lý đầu tư (Giá trị giải ngân thực tế)					
4	Tổng giá trị thị trường các Hợp đồng quản lý đầu tư					
5	Tổng số phí QLDMĐT thu được trong kỳ					
6	Tỷ lệ phí QLDMĐT bình quân (5/4)					

II. Tình hình giao dịch của hoạt động quản lý danh mục đầu tư trong kỳ

Mua			**Bán**			**Tổng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản quản lý ủy thác bình quân**			
Khối lượng	Giá trị		Khối lượng	Giá trị		Kỳ này		Kỳ trước	
	Ngoại tệ	Tỷ VND		Ngoại tệ	Tỷ VND	Ngoại tệ	Tỷ VND	Ngoại tệ	Tỷ VND

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

III. Thông tin tổng hợp về từng hợp đồng quản lý đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Tên khách hàng:

2. Tài khoản lưu ký:

STT	**Loại**	**Số lượng**	**Giá thị trường tại thời điểm báo cáo**		**Tổng giá trị**		**Tỷ lệ %/Tổng giá trị hiện tại của các danh mục đầu tư**
			Ngoại tệ	**Tỷ VND**	**Ngoại tệ**	**Tỷ VND**	
I	Chứng chỉ tiền gửi						
1							
	Tổng						
II	Trái phiếu Chính phủ						
1							
	Tổng						
III	Cổ phiếu niêm yết						
1							
	Tổng						
IV	Trái phiếu niêm yết						
1							
	Tổng						
V	Chứng chỉ quỹ niêm yết						
1							
	Tổng						
VI	Các loại tài sản khác						
1							
	Tổng						
VII	**Tổng giá trị của các danh mục đầu tư**						

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo)

IV. Thông tin tổng hợp các hợp đồng quản lý đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Loại	Số lượng	Tổng giá trị		Tỷ lệ %/Tổng giá trị hiện tại của các danh mục đầu tư
			Ngoại tệ	Tỷ VND	
I	Chứng chỉ tiền gửi				
1					
	Tổng				
II	Trái phiếu Chính phủ				
1					
	Tổng				
III	Cổ phiếu niêm yết				
1					
	Tổng				
IV	Trái phiếu niêm yết				
1					
	Tổng				
V	Chứng chỉ quỹ niêm yết				
1					
	Tổng				
VI	Các loại tài sản khác				
1					
	Tổng				
VII	**Tổng giá trị của các danh mục đầu tư**				

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo)

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ TẠI VIỆT NAM/TỔ CHỨC LƯU KÝ TẠI NƯỚC NGOÀI
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 13

Mẫu báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

TÊN QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... (số công văn) V/v báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tháng..... năm...	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tình hình thực hiện hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	**Chỉ tiêu**	**Giá trị**	
		Ngoại tệ	**Tỷ VND (quy đổi)**
I	Hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước xác nhận		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
II	Giá trị đã đầu tư tại thời điểm cuối tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
III	Giá trị đã đầu tư trong tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)
3	EURO		
4	.....		
IV	Giá trị còn được đầu tư (IV = I - II)		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

II. Báo cáo về tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo		Kỳ trước		%/cùng kỳ năm trước
		Ngoại tệ	Tỷ VND	Ngoại tệ	Tỷ VND	
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền					
	Tiền					
	Tiền gửi ngân hàng					
	Các khoản tương đương tiền					
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)					
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận					
I.4	Lãi được nhận					
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)					
I.6	Các khoản phải thu khác					
I.7	Các tài sản khác					
I.8	**Tổng tài sản**					
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)					
II.2	Các khoản phải trả khác					
II.3	**Tổng nợ**					

III. Báo cáo kết quả hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo		Kỳ trước		Lũy kế từ đầu năm
		Ngoại tệ	Tỷ VND	Ngoại tệ	Tỷ VND	
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài					
	Cổ tức, trái tức được nhận					
	Lãi được nhận					
	Các khoản thu nhập khác (kê chi tiết)					
II	Chi phí đầu tư gián tiếp ra nước ngoài					
	Phí lưu ký tại nước ngoài					
	Các loại phí khác (kê chi tiết)					
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (I - II)					
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài					
	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư					
	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ					

IV. Báo cáo danh mục tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo		Tổng giá trị		Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản ròng
			Ngoại tệ	Tỷ VND	Ngoại tệ	Tỷ VND	
I	Chứng chỉ tiền gửi						
1							
	Tổng						
II	Trái phiếu Chính phủ						
1							
	Tổng						

STT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo		Tổng giá trị		Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản ròng
			Ngoại tệ	Tỷ VND	Ngoại tệ	Tỷ VND	
III	Cổ phiếu niêm yết						
1							
	Tổng						
IV	Trái phiếu niêm yết						
1							
	Tổng						
V	Chứng chỉ quỹ niêm yết						
1							
	Tổng						
VI	Các loại tài sản khác						
1							
	Tổng						
VII	**Tổng giá trị danh mục**						

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT TẠI VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 14

Mẫu báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẢO HIỂM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:..... (số công văn) V/v báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài quý..... năm...	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: Bộ Tài chính

I. Tình hình thực hiện hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)
I	Hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước xác nhận		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
II	Giá trị đã đầu tư tại thời điểm cuối quý		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		
III	Giá trị đã đầu tư trong quý		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)
3	EURO		
4	.....		
IV	Giá trị còn được đầu tư (IV = I - II)		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4	.....		

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

II. Tổ chức mở tài khoản giao dịch

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng tài khoản
1	...			

III. Tình hình đầu tư

3.1. Tình hình giao dịch trên tài khoản tự doanh

STT	Loại tài sản đầu tư	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong quý		Bán trong quý		Tổng mua tính đến cuối kỳ		Tổng bán tính đến cuối kỳ	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
I	Đầu tư chứng khoán												
1	Cổ phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												
2	Trái phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												
3	Chứng chỉ quỹ												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												
II	Đầu tư khác												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												
	Tổng												

STT	Loại tài sản đầu tư	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong quý		Bán trong quý		Tổng mua tính đến cuối kỳ		Tổng bán tính đến cuối kỳ	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												

* Ghi chú:

KL: Khối lượng

GT: Giá trị

Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch

3.2. Tình hình nắm giữ tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

(tính theo giá trị ngoại tệ đã đầu tư)

STT	Loại tài sản	Tài sản đầu tư nắm giữ tại thời điểm báo cáo					Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành vào thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Giá trị sổ sách tại thời điểm mua		Giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo (ngoại tệ)	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
			Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(4)*100	(8)	(9)=(3)/(8)*100
I	Đầu tư chứng khoán							
1	Cổ phiếu							
	A							
	.....							
2	Trái phiếu							
	A							
	.....							
3	Chứng chỉ quỹ							
	A							
	.....							
II	Đầu tư khác							
1	.....							
	Tổng cộng (I + II)							

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch)

* Ghi chú:

Cột (2) loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán mà doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nắm giữ.

Cột (3) là các chứng khoán hiện doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài khoản.

Cột (4) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Cột (5) Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Cột (6) tính theo giá đóng cửa hoặc giá giao dịch bình quân tại thời điểm báo cáo hoặc giá trị hợp lý đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Đối với trái phiếu, không phải tính cột (8), (9).

IV. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP	KIỂM SOÁT NỘI BỘ	(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*